

Số: /KH-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là Chiến lược), Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng các dự án, đề án, chính sách, kế hoạch và tổ chức thực hiện nhằm đạt các mục tiêu của Chiến lược đã đề ra. Đặc biệt là triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 gắn liền với nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số so với bình quân chung của cả nước.

2. Yêu cầu

Quán triệt, triển khai, thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng các đề án, dự án, chính sách, kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược và phù hợp với thực tiễn vùng dân tộc của tỉnh. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021-2025 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Ưu tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số; khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế vùng, bảo vệ môi trường sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Rút ngắn khoảng cách về thu nhập giữa đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh so với bình quân chung của cả nước. Giảm dân số xã, thôn đặc biệt khó khăn, đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa; đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số.

- Xóa bỏ các tập quán lạc hậu, đồng thời bảo tồn, phát huy các di sản, giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, đặc trưng của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025:

- Phần đầu thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 2,5-3%/năm; phần đầu trên 40% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Trên 80% xã có đường ô tô đến trung tâm xã đạt cấp 6 trở lên; 80% thôn, bản có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa;

- Trên 98,5% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp.

- Trên 88% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn; trên 30% thôn có đội văn nghệ (câu lạc bộ) hoạt động có chất lượng, gắn với bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

- Phần đầu đạt 80% số trường, lớp học, trường dân tộc nội trú và 100% trạm y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xây dựng kiên cố.

- Phần đầu đạt 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Duy trì 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và những nơi cần thiết, vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai trên địa bàn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho trên 200 hộ. Tập trung giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất cho 1.373 hộ, đất ở cho 97 hộ, nhà ở cho 423 hộ, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 4.663 hộ, nước sinh hoạt cho 7.108 hộ đồng bào DTTS;

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường 100%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt trên 99%, học trung học cơ sở đạt trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%, người từ 15- 60 tuổi đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;

- Trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; trên 80% phụ nữ dân tộc thiểu số có thai được khám định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế; giảm tỷ lệ trẻ

em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong đồng bào dân tộc thiểu số xuống dưới 17%;

- Trên 90% phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số được phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, xử phạt vi phạm hành chính, hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống mua bán người.

- Phân đầu 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

b) Mục tiêu đến năm 2030:

- Tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm.

- Thu nhập bình quân người dân tộc thiểu số bằng ít nhất $\frac{1}{2}$ mức bình quân chung của cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%. Giảm ít nhất 30% các xã, thôn đặc biệt khó khăn; phân đầu 70% trở lên số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới.

- Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tăng bình quân 5,8%/năm.

- Chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số (HDI) đạt trên 0,69.

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt trên 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

- Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và có thu nhập ổn định đạt 35% trở lên, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, hàng năm thu hút ít nhất 3% lao động sang làm việc ở các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% trở lên lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó ít nhất 70% có trình độ Đại học và Trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng.

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 100% các hộ dân tộc thiểu số đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở.

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh là 70 %.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Đảm bảo các vấn đề an sinh xã hội; thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt trên ½ bình quân chung của cả nước.

- Hộ nghèo giảm xuống còn dưới 5%; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ đột phá

a) Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; rà soát, đề xuất đề hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hướng tới phát triển bền vững và thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Về phát triển nguồn nhân lực:

- Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao để làm đầu mối dẫn dắt, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong tổ chức sản xuất, quản lý xã hội; phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới; kết hợp với phát huy các tri thức bản địa, kinh nghiệm sống, sản xuất của đồng bào trong phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xã hội.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó chú trọng đào tạo, quy hoạch, xây dựng và phát triển tại chỗ đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc.

- Quan tâm tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực đủ điều kiện giới thiệu tham gia vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đào tạo nghề đối với con em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung đào tạo, bồi dưỡng các chuyên ngành có nhu cầu cấp thiết như: Bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư nông nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa cơ sở, quản lý kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị nhân lực, công nghệ thực phẩm...

d) Phát triển đồng bộ hạ tầng thiết yếu, phục vụ sinh hoạt, sản xuất, giao thương, tăng cường kết nối thị trường, lưu thông hàng hóa đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông đường bộ liên tỉnh, liên huyện kết nối với hệ thống đường bộ quốc gia.

đ) Phát triển mạnh hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; duy trì thực hiện tốt hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc, qua đó góp phần phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia về dân tộc phục vụ công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo của các cơ quan chức năng.

e) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đổi mới, sáng tạo, phát minh, sáng chế phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

a) Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc:

Xác định và phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, các cấp trong thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc và các chính sách dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác dân tộc theo hướng tinh gọn, đồng bộ, thống nhất, linh hoạt, đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới.

b) Về phát triển kinh tế:

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tạo chuỗi giá trị, gia tăng giá trị nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù từng địa phương và của tỉnh.

- Đối với nông nghiệp:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; tập trung hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sử dụng lao động tại chỗ; chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực và vùng, phù hợp với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

+ Chú trọng phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân; triển khai có hiệu quả các chính sách về đất đai, nhất là việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, trong đó chú trọng đến giải quyết đất ở và đất sản xuất theo quy định của pháp luật; kiên quyết chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và hủy hoại đất rừng.

- Đối với công nghiệp và xây dựng:

+ Rà soát, quy hoạch hợp lý các ngành công nghiệp, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực chủ yếu, có tiềm năng, thế mạnh để ưu tiên phát triển gắn liền với công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng.

+ Huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên kiên cố hóa đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa; kết nối điện lưới quốc gia tới các hộ gia đình; hoàn thiện kết cấu hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền thông phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

+ Quy hoạch hệ thống đô thị, khu dân cư mới và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án định canh, định cư, sắp xếp, ổn định dân cư tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát; nâng cao năng lực ngành xây dựng, đảm bảo đủ sức thiết kế, thi công các công trình phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Đối với thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Chú trọng và khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mới ký kết để tăng cường xuất khẩu ra nước ngoài, song song với bảo vệ sản xuất, thương hiệu các sản phẩm của tỉnh và lợi ích của người tiêu dùng. Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua chợ đầu mối và các hội chợ xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới phù hợp với đặc thù của tỉnh.

+ Đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu tới du khách trong và ngoài nước về du lịch lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh; phát triển các sản phẩm du lịch “xanh”, “du lịch trải nghiệm”, “du lịch nông nghiệp”, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương từng vùng.

c) Về phát triển giáo dục - đào tạo:

- Phát huy và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, trong đó đặc biệt ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đảm bảo tỷ lệ biết chữ cân bằng giữa nam và nữ; thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và khả năng bố trí việc làm tại địa phương.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục theo lộ trình hợp lý, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng củng cố và phát triển hợp lý số lượng, chất lượng, quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế địa phương.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tầm vóc đối với trẻ em, học sinh. Dạy song hành tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với nhu cầu, năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục để đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục, đào tạo; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Về y tế và dân số:

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó, quan tâm thực hiện một số chính sách cụ thể về Bảo hiểm y tế; nâng cấp hệ thống y tế và phát triển đội ngũ cán bộ y tế cơ sở; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Tăng cường hướng dẫn, truyền thông về bình đẳng giới, tác hại của tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Có cơ chế để phụ nữ người dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu và các dịch vụ tư vấn về hôn nhân, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em.

đ) Về bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc:

- Thực hiện bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn tỉnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; giữ gìn, tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp thông qua ngôn ngữ, chữ viết, các ngày lễ, hội, buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống và tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Quốc phòng, an ninh:

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời nhận diện, chủ động đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của các thế lực thù địch nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc, bạo loạn, biểu tình, phá rối trật tự an toàn xã hội.

- Làm tốt công tác nắm tình hình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không để kẻ địch

và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối với danh nghĩa “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”;

- Xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;

- Phát huy vai trò tích cực của người có uy tín, biểu dương, tôn vinh, động viên người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

g) Về đối ngoại:

- Tăng cường công tác đối ngoại để thu hút nguồn lực đầu tư của cộng đồng quốc tế cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại góp phần giúp cộng đồng quốc tế hiểu đúng và ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kịp thời đấu tranh ngăn ngừa những thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước.

h) Củng cố hệ thống chính trị cơ sở: Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt là trên các địa bàn chiến lược, vùng căn cứ cách mạng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cũng như các chính sách của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới.

2. Đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện chiến lược công tác dân tộc. Triển khai có hiệu quả các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Tập trung nguồn lực thỏa đáng, có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện các mục tiêu chiến lược công tác dân tộc.

4. Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống cơ quan công tác dân tộc các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đối với cấp xã, cấp huyện bố trí công chức phụ trách, theo dõi công tác dân tộc đảm bảo năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc tại cơ sở.

5. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Trên cơ sở các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược đối với các nhiệm vụ thuộc cấp tỉnh thực hiện, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

- Đôn đốc, kiểm tra, rà soát việc thực hiện nhiệm vụ của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung các nhiệm vụ mới phát sinh, đặc biệt là các nhiệm vụ phát sinh trong giai đoạn 2021 - 2025; tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn cho triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép, điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của tỉnh phù hợp với việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện do Ban Dân tộc tỉnh chủ trì xây dựng, tổng hợp đề nghị, căn cứ khả năng ngân sách tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh để triển khai các nhiệm vụ thuộc cấp tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành

4. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, chủ động phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch; định kỳ hằng năm tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Chủ động đăng ký nhiệm vụ của sở, ban, ngành mình vào Chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung chiến lược, quy hoạch ngành, chương trình, chính sách, đề án, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị phù hợp với Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

5. UBND các huyện, thành phố

- Trên cơ sở các nội dung Kế hoạch này, chủ động phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan xây dựng chương trình hành động hoặc Kế hoạch triển khai, thực hiện chiến lược công tác dân tộc phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương.

- Cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách huyện, thành phố để triển khai các nhiệm vụ thuộc cấp huyện, thành phố thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Tổ chức và huy động các nguồn lực thực hiện có hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc tại địa phương.

- Quán triệt sâu sắc, đầy đủ nội dung Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030 và các nội dung tại Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân các dân tộc trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong triển khai, thực hiện chiến lược công tác dân tộc tại địa phương, đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

7. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc theo quy định.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chủ động phối hợp triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy Ban Dân tộc (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ và các hội, đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, PCVP (Ô. Nguyễn);
- Lưu: VT, VXNV (Th)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Duy Hưng